TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2023/KDTM-PT Ngày 18-7-2023 V/v tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán Bà Huỳnh Thị Phượng

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần Xây lắp A. Địa chỉ trụ sở chính: Số 36, đường U, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Số 36, đường U, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2021, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thành C là luật sư của Công ty luật TNHH H thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH V. Địa chỉ trụ sở chính: Lô F1, Đường số 8 và số 5, Khu công nghiệp cửa khẩu B, Khu kinh tế cửa khẩu L, xã B, thị xã K tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Bà Huỳnh Thảo N, sinh năm 1994 (theo Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2022, có mặt).

2. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1989 (theo Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022, có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 146/2/28 Đường số 30, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Hồng Thị Thanh X, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/01/2022, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/01/2022 của nguyên đơn Công ty cổ phần Xây lắp A và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của ông Trần Văn L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có nội dung như sau:

Công ty cổ phần A và Công ty TNHH V có ký Hợp đồng thi công số 18/HDAB/2018PDA ngày 31/8/2018, Hợp đồng số 28/HDAB/2018PDA ngày 15/12/2018, Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 ngày 01/3/2019, Phụ lục số 03 ngày 15/3/2019, Hợp đồng số 29/HDAB/2018PDA ngày 27/12/2018, Phụ lục số 01 và 02, Hợp đồng số 03/HDAB/2019PDA ngày 19/01/2019 với tổng giá trị hợp đồng bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng là 123.413.715.107đ để thi công công trình tại Lô F1, Đường số 8 và số 5, Khu công nghiệp của khẩu B, Khu kinh tế cửa khẩu L, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Hiện nay Công ty V đã thanh toán cho Công ty A được số tiền 106.365.684.469đ. Còn lại Công ty V chưa thanh toán, cụ thể:

- Hợp đồng số 03/HDAB/2019PDA ngày 19/01/2019: Công ty V thi công gói thầu số 4 – cơ điện và phòng cháy chữa cháy giai đoạn 1 với tổng giá trị là 27.286.201.800đ, tiến độ thi công là từ ngày 20/01/2019 đến ngày 20/6/2019. Ngày 15/7/2019, Công ty A và Công ty V đã ký biên bản nghiệm thu công trình. Công ty V đã thanh toán được 04 đợt còn đợt thứ 5 chưa thanh toán với số tiền 5.457.240.360đ. Ngày 27/4/2021, Công ty V đã thanh toán được số tiền 4.364.855.490đ cho nên số tiền còn lại chưa thanh toán là 1.092.384.870đ;

- Phụ lục số 02 Hợp đồng số 28/HDAB/2018/PDA ngày 15/12/2018 và Phụ lục 1, số tiền bảo hành 5% giá trị hợp đồng còn lại là 3.288.106.107đ trong việc

xây dựng các khối nhà và hạ tầng ngoài nhà. Hợp đồng có tổng giá trị là 6.018.215.287đ. Tiến độ thi công từ ngày 05/3/2019 đến ngày 30/7/2019. Ngày 15/7/2019, hai bên đã ký biên bản nghiệm thu công trình và đưa vào sử dụng. Đến ngày 06/3/2020 là thời hạn Công ty V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số tiền là 5.774.304.523đ.

- Giá trị bảo hành dự án 5% của cả các hợp đồng và phụ lục từ ngày 16/7/2019 đến ngày 15/7/2020, đã hết hạn bảo hành cụ thể:

+ Hợp đồng số 28/HDAB/2018/PDA ngày 01/3/2019 và Phụ lục 01, số tiền bảo hành 5% giá trị hợp đồng còn lại là 3.288.106.107đ;

+ Phụ lục số 02 ngày 01/3/2019 Hợp đồng 28/HDAB/2018/PDA, số tiền bảo hành 5% giá trị hợp đồng còn lại là 303.910.764đ;

+ Phụ lục số 03 ngày 15/3/2019 Hợp đồng 28/HDAB/2018/PDA, số tiền bảo hành 5% giá trị hợp đồng còn lại là 66.000.000đ;

+ Hợp đồng số 29/HDAB/2018/PDA ngày 27/12/2018 và Phụ lục 01, Phụ lục 02, số tiền bảo hành 5% giá trị hợp đồng còn lại là 794.158.794đ;

+ Hợp đồng số 03/HDAB/2019/PDA ngày 19/01/2019, số tiền bảo hành 5% giá trị hợp đồng còn lại là 1.364.310.090đ;

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A bao gồm: Tiền gốc của hợp đồng và phụ lục hợp đồng của các lần thanh toán là 1.092.384.870đ + 5.774.304.523đ = 6.866.689.393đ; tiền bảo hành là 5.153.529.510đ và tiền lãi quá hạn hồ sơ đã thanh toán các đợt là 1.496.230.531đ + tiền lãi quá hạn hồ sơ thanh toán đợt 5 lần 1 là 1.227.206.271đ + tiền lãi quá hạn hồ sơ thanh toán đợt 5 lần 2 là 229.490.343đ + tiền lãi quá hạn hồ sơ thanh toán đợt 1 là 2.105.801.849đ. Tổng cộng là 17.078.947.897đ.

Ông Lê Thành C là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty A trình bày:

Tại Email ngày 09/6/2020, đại diện hợp pháp của Công ty V xác nhận sẽ thanh toán số tiền Công ty V còn nợ sau khi Công ty A hoàn thành công tác lắp đặt cáp kết nối máy phát điện và bàn giao hồ sơ hoàn công. Ngày 19/6/2020, Công ty A đã bàn giao hồ sơ hoàn công công trình xây dựng và biên bản nghiệm thu công tác lắp đặt kéo cáp cho máy phát điện ngày 22/6/2020 cho Công ty V. Ngày 04/01/2021, Công ty V đã gửi thư xác nhận số dư nợ Công ty A số tiền 11.231.544.883đ là phù hợp với số tiền gốc mà Công ty A đã khởi kiện Công ty V. Phía Công ty V có đơn phản tố yêu cầu kiểm định lại chất lượng công trình và đã rút yêu cầu này nhưng Công ty A vẫn tự nguyện khấu trừ cho Công ty V số tiền theo như kết quả kiểm định mà phía Công ty V đã trưng cầu. Với những căn cứ và phân tích nêu trên, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A, buộc Công ty V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A tổng cộng các khoản tiền là 17.078.947.897đ.

Bị đơn Công ty V có yêu cầu phản tố như sau:

Từ tháng 8/2018 đến tháng 9/2019, Công ty V và Công ty A có ký các Hợp đồng/Phụ lục về khảo sát, tư vấn thiết kế, thi công công trình đối với các gói thầu tại Dự án sản xuất giày dép cho Công ty V tại Lô F1, Đường số 8 và số 5, Khu công nghiệp cửa khẩu B, Khu kinh tế cửa khẩu L, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Nhưng trong thời gian thi công Công ty A bị trễ tiến độ hoàn thành cùng như vấn đề chất lượng công trình không đạt yêu cầu. Do đó Công ty V yêu cầu Công ty A có nghĩa vụ trả các khoản sau:

- Buộc Công ty A phải trả số tiền phạt do vi phạm tiến độ cho Công ty V với số tiền 6.866.554.043đ cụ thể:

+ Hợp đồng số 18/HDAB/2018/PDA gói thầu số 01 tiến độ hoàn thành theo hợp đồng là ngày 31/8/2018 nhưng thực tế ngày hoàn thành là ngày 27/5/2019 trễ 260 ngày và yêu cầu mức phạt là 8% và số tiền phạt là 566.720.000đ.

+ Hợp đồng số 28/HDAB/2018/PDA gói thầu số 02: Phần nội dung công việc là Xưởng lắp ráp và hoàn thiện B07 tiến độ hoàn thành theo hợp đồng là ngày 31/01/2019 nhưng thực tế ngày hoàn thành là ngày 15/7/2019 trễ 165 ngày và yêu cầu mức phạt là 8% và số tiền phạt là 1.884.168.000đ; Nhà máy điện B12, Nhà kho công cụ B13, Nhà kho nguyên vật liệu nguy hiểm B20 tiến độ hoàn thành theo hợp đồng là ngày 25/02/2019 nhưng thực tế ngày hoàn thành là ngày 15/7/2019 trễ 140 ngày và yêu cầu mức phạt là 8% và số tiền phạt là 195.624.000đ; Nhà Văn phòng và QA/CQB02, Trung tâm huấn luyện và quản lý nhận lực tiến độ hoàn thành theo hợp đồng là ngày 30/4/2019 nhưng thực tế ngày hoàn thành là ngày 15/7/2019 trễ 106 ngày và yêu cầu mức phạt là 8% và số tiền phạt là 906.200.292đ; Nhà bơm, bể nước ngầm, bể xử lý nước thải, phòng ký túc xá, nhà bảo vệ chính, nhà xe hơi tiến độ hoàn thành theo hợp đồng là ngày 30/4/2019 nhưng thực tế ngày hoàn thành là ngày 15/7/2019 trễ 106 ngày và yêu cầu mức phạt là 8% và số tiền phạt là 578.429.227đ và các hạ tầng ngoài nhà tiến độ hoàn thành theo hợp đồng là ngày 30/5/2019 nhưng thực tế ngày hoàn thành là ngày 15/7/2019 trễ 46 ngày và yêu cầu mức phạt là 8% và số tiền phạt là 938.800.113đ.

+ Hợp đồng số 29/HDAB/2018/PDA gói thầu số 03: Phần nội dung công việc là hoàn thành hạng mục công trình nhà ăn 08, tiến độ hoàn thành theo hợp đồng là ngày 20/5/2019 nhưng thực tế ngày hoàn thành là ngày 15/7/2019 trễ 56 ngày và yêu cầu mức phạt là 5,6% và số tiền phạt là 259.459.200đ; hoàn thành hạng mục công trình nhà xe 02 bánh 09 tiến độ hoàn thành theo hợp đồng là ngày 30/4/2019 nhưng thực tế ngày hoàn thành là ngày 15/7/2019 trễ 76 ngày và yêu cầu mức phạt là 7,6% và số tiền phạt là 803.500.148đ và hoàn thành các hạng mục công trình khác của hợp đồng gói thầu số 03 (nhà kết nối B14, B14A) tiến độ hoàn thành theo hợp đồng là ngày 30/4/2019 nhưng thực tế ngày hoàn

thành là ngày 15/7/2019 trễ 76 ngày và yêu cầu mức phạt là 7,6% và số tiền phạt là 51.498.018đ.

+ Hợp đồng số 23/HDAB/2019/PDA gói thầu số 04: Thực hiện công tác cơ điện và PCCC giai đoạn 1 của dự án, tiến độ hoàn thành theo hợp đồng là ngày 20/6/2019 nhưng thực tế ngày hoàn thành là ngày 15/7/2019 trễ 25 ngày và yêu cầu mức phạt là 2,5% và số tiền phạt là 682.155.045đ.

- Số tiền kiểm định chất lượng 853.990.401đ.

- Chi phí tố tụng là 20.000.000đ;

- Phí tư vấn, kiểm định công trình xây dựng 269.500.000đ.

- Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, cụ thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình theo các hợp đồng/phụ lục đã ký giữa hai Công ty.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Huỳnh Thảo N trình bày:

Các bản nghiệm thu công trình không đúng quy định do không phải chữ ký của ông Hsu, Shu – M nên không có giá trị pháp lý. Những đợt Công ty V thanh toán cho Công ty Atrước đó không phải dựa vào các bản nghiệm thu công trình mà dựa vào niềm tin của Công ty V đối với Công ty A; Đối với yêu cầu Công ty A việc khắc phục kinh phí hạng mục hư hỏng xây dựng số tiền kiểm định chất lượng 853.990.401đ và Phí tư vấn, kiểm định công trình xây dựng 269.500.000đ do Công ty Cổ phần đầu tư Kiểm định Sài Gòn không có chức năng giám định trong lĩnh vực xây dựng nên kết quả giám định chất lượng không có giá trị pháp lý nên Công ty V rút một phần phản tố đối với yêu cầu này; Về phần này, Công ty A tự nguyện khấu trừ nhưng Công ty V không đồng ý sau khi củng cố chứng cứ xong Công ty V sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồng Thị Thanh X trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà với chức vụ kế toán trưởng của Công ty V có nhiệm vụ nhận các thư xác nhận công nợ từ các đối tác của Công ty để báo cáo tài chính hàng năm. Ngày 25/02/2021 đến ngày 26/02/2021, bà có mượn của Công ty con dấu và dấu mộc có chữ ký của ông Hsu, Shu – M là người đại diện theo pháp luật kiêm tổng giám đốc của Công ty (thời điểm đó ông Hsu, Shu – M đang ở Trung Quốc). Sau khi nhận được thư xác nhận số dư (không có ngày tháng năm) của Công ty A thì bà đã lấy con dấu của Công ty V và dấu mộc chữ ký của ông Hsu, Shu – M đóng dấu vào thư xác nhận nợ trên. Nhưng bà đóng dấu chỉ nhằm mục đích hoàn thành thủ tục báo cáo tài chính dựa trên hóa đơn mà Công ty A đã xuất. Bà cho rằng việc đóng dấu vào thư xác nhận nợ là do bà tự quyết mà không thông qua lãnh đạo của Công ty.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã K đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Xây lắp A đối với Công ty TNHH V về "Tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng".

Buộc Công ty V trả cho Công ty cổ phần Xây lắp A số tiền gốc và lãi, phí bảo hành tổng cộng là 17.741.904.142 đồng (mười bảy tỷ bảy trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm lẻ bốn nghìn một trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó tiền gốc là 6.866.689.393 đồng (sáu tỉ tám trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn ba trăm chín mươi ba nghìn đồng); Tiền bảo hành là 5.816.485.755 đồng (năm tỷ tám trăm mười sáu triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng) và tiền lãi là 5.058.728.994 đồng (năm tỷ không trăm năm mươi tám triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty Vđối với Công ty cổ phần Xây lắp A.

Buộc Công ty cổ phần Xây lắp A phải trả cho Công ty V số tiền phạt hợp đồng do vi phạm tiến độ thực hiện là 1.796.612.411 đồng (một tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm mười hai nghìn bốn trăm mười một đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty V đối với Công ty cổ phần Xây lắp A về số tiền phạt hợp đồng do vi phạm tiến độ thực hiện là 5.069.941.632 đồng (năm tỷ không trăm sáu mươi chín triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố Công ty V việc khắc phục kinh phí hạng mục hư hỏng xây dựng và phí kiểm định chất lượng công trình tổng số tiền là 853.990.401 đồng (tám trăm năm mươi ba triệu trăm chín mươi nghìn bốn trăm lẻ một đồng). Hậu quả việc đình chỉ: Đương sự còn quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/11/2022) cho đến khi thi hành án, bên phải thi hành án xong còn phải chịu lãi của số tiền gốc đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn của ít nhất 03 Ngân hàng tại địa phương là Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 20/02/2023, bị đơn Công ty V kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Đức H và bà Huỳnh Thảo N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty V thống nhất trình bày: Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu buộc nguyên đơn phải trả số tiền phạt do vi phạm tiến độ cho Công ty V với số tiền 5.069.941.632đ (phần không được Tòa sơ thẩm chấp nhận) và buộc nguyên đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình theo các hợp đồng/phụ lục đã ký giữa hai Công ty. Đối với kháng cáo về yêu cầu buộc nguyên đơn phải trả số tiền phạt do vi phạm tiến độ với số tiền 1.796.612.411đ (phần cấp sơ thẩm chấp nhận), chi phí tố tụng và phần Tòa sơ thẩm đình chỉ giải quyết về khắc phục kinh phí hạng mục hư hỏng xây dựng và phí kiểm định chất lượng công trình thì bị đơn xin rút. Lý do kháng cáo:

- Bản án sơ thẩm chưa xác định quan hệ tranh chấp và áp dụng Luật Xây dựng năm 2003 để điều chỉnh quan hệ tranh chấp này là sai pháp luật. Cấp sơ thẩm triệu tập thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông James Wang là người ký tên trên các Hợp đồng và các biên bản nghiệm thu làm cơ sở để Công ty cổ phần Xây lắp A yêu cầu thanh toán công nợ, phạt tiền lãi chậm trả đối với Công ty V nên cần xác định ông James Wang là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đưa vào tham gia tố tụng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên. Theo kết luận giám định chữ ký, con dấu của Bộ công an kết luận chữ ký trên các biên bản nghiệm thu đề tên Hsu, Shu – M do Công ty Agiao nộp cho Tòa án là con dấu chữ ký khắc sẵn, không phải chữ ký sống của ông Hsu, Shu – M nên cần triệu tập người đã sử dụng con dấu chữ ký có tên của Hsu Shu M tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan để làm rõ tình tiết khách quan, quyền và trách nhiệm của các bên liên quan. Do bổ sung ông James Wang là người nước ngoài tham gia tố tụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh.

- Nguyên đơn yêu cầu thanh toán đợt 1 của Phụ lục số 2 Hợp đồng số 28/HDAB/2018/PDA và đợt 5 Hợp đồng số 03/HDAB/2019/PDA, tổng cộng: 6.866.689.393đ. Tuy nhiên, Công ty V chưa nhận được những chứng từ hợp lệ theo hợp đồng do Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng không có giá trị làm căn cứ thanh toán vì chữ ký không phải do người đại diện pháp luật của Công ty V ký. Về Thư đối chiếu công nợ ngày 04/01/2021 do Công ty A gửi cho Công ty V thì bà Xuyên khai tự lấy con dấu chữ ký khắc sẵn đóng vào, bà Xuyên là kế toán viên, không phải kế toán trưởng là người có thẩm quyền cung cấp thông tin kế toán như bản án sơ thẩm nhận định. Ông Hsu, Shu-M không ký vào Thư xác nhận nợ nên không có căn cứ xác định số tiền nợ theo hợp đồng giữa các bên đã ký kết nên chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A. Văn bản ngày 08/04/2021 là văn bản đề nghị hòa giải do Công ty V gửi tới Công ty A, nếu Công ty Akhông trả lời trong vòng 02 ngày thì lời đề nghị không còn giá trị, văn bản này không phải lời thừa nhận Công ty V đang nợ Công ty A, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ không khách quan. Do chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A nên không phát sinh tiền lãi

do chậm thanh toán theo yêu cầu của Công ty A và căn cứ để xác định lãi suất cấp sơ thẩm chỉ căn cứ lời trình bày của Công ty A không có tài liệu, chứng cứ nào của các ngân hàng xác thực cho mức lãi suất nên không có cơ sở xem xét. Mặc khác, tại Văn bản xác nhận công nợ ngày 04/01/2021 Công ty A chỉ xác nhận yêu cầu đối với khoản tiền gốc, mà không yêu cầu tính lãi. Như vậy dựa trên văn bản này có thể xác định ý chí chủ quan của Công ty Alà chỉ tính tiền gốc, không yêu cầu tiền lãi cho đến ngày 04/01/2021 vì vậy Công ty A khi gửi xác nhận công nợ không yêu cầu tính lãi, sau đó khởi kiện yêu cầu tính lãi là không có cơ sở.

- Đối với Hợp đồng số 03/2019: Tại phiên tòa sơ thẩm phía Công ty A đã thừa nhận ngày 22/6/2020 Công ty A mới hoàn thành kéo cáp cho máy phát điện. Về hệ thống xử lý nước thải thì hệ thống xử lý nước thải không thể nghiệm thu đưa vào sử dụng. Tại Thông báo số 5311 ngày 25/8/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An thông báo nghiệm thu công trình xử lý chất thải không đạt do thiết kế sai và không đủ điều kiện đưa vào vận hành, Công ty V đã thông báo nhưng Công ty A không thực hiện.

- Căn cứ Nghị định 46/2015/NĐ-CP và Nghị định 06/2021/NĐ-CP quy định nhà thầu xây dựng có nghĩa vụ bảo hành công trình trong thời hạn bảo hành công trình, khi hoàn thành công việc bảo hành công trình nhà thầu thi công lập báo cáo hoàn thành công tác bảo hành gửi chủ đầu tư. Chủ đầu tư có tránh nhiệm xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu bằng văn bản. Nhưng Công ty A chưa lập hồ sơ này nên không có căn cứ xác định việc bảo hành công trình đã hoàn thành. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty A khẳng định đã ghi nhận các lỗi công trình, nhưng không cử người tới sửa chữa, đây là lời thừa nhận Công ty A không thực hiện việc bảo hành hạng mục công trình nhưng lại khởi kiện đòi tiền bảo hành là vô căn cứ. Mặc khác, khi nộp đơn khởi kiện và cho đến nay phía Công ty A vẫn chưa cung cấp đề nghị thanh toán, chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng, chưa cung cấp chứng thư bảo lãnh bảo hành theo thỏa thuận trong các hợp đồng vì vậy Công ty V không có nghĩa vụ phải thanh toán tiền bảo hành.

- Căn cứ nội dung thỏa thuận về thời hạn hoàn thành công trình nhưng ngày 15/7/2019 Công ty A mới lập Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng là sau thời hạn hoàn thành công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Công ty V yêu cầu phạt vi phạm chậm tiến độ tương đương 8% giá trị hợp đồng là có cơ sở.

Từ những căn cứ nêu trên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty V sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Avà chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty V.

Ông Trần Văn L và ông Lê Thành C thống nhất trình bày:

Phía Công ty V có lời trình bày không thống nhất vì tại cấp sơ thẩm trình bày biết sự tồn tại của con dấu tên ông Hsu, Shu – M đến, cấp phúc thẩm thì

trình bày lại là ông Hsu, Shu – M không biết về sự tồn tại của con dấu này. Bà X là kế toán trưởng của Công ty V trình bày mượn con dấu tên của ông Hsu, Shu – M để đóng vào thư xác nhận nợ của Công ty A. Mặc khác, phía Công ty V không thừa nhận nợ đối với Công ty A nhưng sau khi Công ty A khởi kiện thì Công ty V đã thanh toán với số tiền là 4.364.855.490đ cho đợt 5 (mục III) Hợp đồng số 03/HDAB/2019/PDA như vậy cho thấy Công ty V vẫn thừa nhận nợ đối với Công ty A. Công ty V cho rằng các biên bản nghiệm thu có chữ ký đóng dấu của ông Hsu, Shu – M là không có giá trị nhưng vẫn tiếp nhận toàn bộ công trình để sử dụng, khai thác, kinh doanh cho đến ngày hôm nay theo đúng như nội dung biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngày 15/7/2019. Mặc khác, Công ty V còn tự mình yêu cầu kiểm định đối với toàn bộ công trình và có kết quả công trình đảm bảo chất lượng thi công đúng thiết kế cho thấy Công ty Ađã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với Công ty V. Công ty V không đồng ý các văn bản có chữ ký đóng dấu của ông Hsu, Shu – M nhưng từ trước đến nay Công ty V chưa có văn bản gửi cho Công ty Avề việc không chấp nhận các văn bản có chữ ký đóng dấu của ông Hsu, Shu – M và cũng không thông báo cho Công ty Abiết được sự tồn tại của con dấu này nên Công ty V phải có trách nhiệm đối với các văn bản này. Mặc dù Công ty V không thừa nhận các biên bản nghiệm thu nhưng vẫn sử dụng các văn bản này để yêu cầu phạt vi phạm thi công chậm tiến độ đối với Công ty A là chưa phù hợp.

Công ty V yêu cầu phạt vi phạm do chậm tiến độ thi công là không có cơ sở vì theo trình tự thi công các hạng mục, để thi công được công tác ép cọc thì công trình phải được san lấp xong và bàn giao mặt bằng, sau khi thi công xong hạng mục cọc thì mới tiến hành thực hiện thi công móng, phần thô và hoàn thiện các hạng mục. Phạm vi công việc san lấp và bàn giao mặt bằng này không thuộc phạm vi của hợp đồng đã ký giữa Công ty A và Công ty V mà phạm vi san lấp này thuộc trách nhiệm của Công ty V. Phía Công ty V đã không thực hiện san lấp và bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công mà phải đến ngày 01/3/2019 Công ty V mới ký Phụ lục số 2 của Hợp đồng thi công số 28/HDAB/2018/PDA giao lại phần việc san lấp này cho Công ty Avà tiến độ hoàn thành đến ngày 30/7/2019. Sau khi Công ty Asan lấp xong thì mới tiến hành ép cọc và bắt đầu thi công các hạng mục, do vậy tiến độ hoàn thành các hạng mục thuộc Hợp đồng thi công số 18/HDAB/2018/PDA và Hợp đồng thi công số 28/HDAB/2018/PDA sẽ theo Phụ lục số 2 ký ngày 01/3/2019, do đó nguyên đơn không thi công trễ tiến độ đối với các hợp đồng này.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty V giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

- Vi phạm về thẩm quyền giải quyết của Thẩm phán: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa tại cấp sơ thẩm đã có Quyết định biệt phái do Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Long An ký ban hành để giải quyết vụ án giữa Công ty A với Công ty V là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 80 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

- Về vi phạm tố tụng do không đưa ông James Wang vào tham gia tố tụng: Nhận thấy tại các văn bản trình bày ý kiến và quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Công ty V thừa nhận có ký kết với Công ty A các hợp đồng, phụ lục hợp đồng về khảo sát, tư vấn, thiết kế, thi công công trình đối với các gói thầu dự án sản xuất giày dép của Công ty V tổng cộng 04 hợp đồng. Trong đó, ông James Wang với vai trò là người đại diện của Công ty V thực hiện ký kết 3/4 hợp đồng. Như vậy, Công ty V đã tự thừa nhận ông James Wang là người đại diện của Công ty tại thời điểm giao kết, thực hiện hợp đồng. Công ty A khởi kiện Công ty V yêu cầu thanh toán số tiền do vi phạm hợp đồng nên xác định quan hệ pháp luật dân sự là tranh chấp hợp đồng giữa 02 Công ty với nhau. Công ty V tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, ông James Wang chỉ là người đại diện của bị đơn tại thời điểm giao kết, thực hiện hợp đồng, hoàn toàn không có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong quan hệ tranh chấp hợp đồng giữa hai Công ty với nhau. Vì vậy, Công ty V yêu cầu đưa ông James Wang tham gia tố tụng với vai trò là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không cần thiết, bởi vì ông James Wang không có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong quan hệ tranh chấp giữa hai Công ty.

- Đối với số tiền gốc 6.866.689.393đ (bao gồm 5.774.304.523đ của Hợp đồng số 28 và 1.092.384.870đ của Hợp đồng số 03): Công ty V trình bày rằng Thư xác nhận công nợ ngày 04/01/2021 là do bà Xuyên mượn con dấu của Công ty và dấu chữ ký của ông Hsu, Shu-M đóng vào để phục vụ cho báo cáo kiểm toán. Đồng thời bà Xuyên cũng không được ông Hsu, Shu-M ủy quyền để xác nhận công nợ, không được thực hiện công việc liên quan đến tình hình tài chính của Công ty là không có cơ sở bởi vì theo quy định tại Điều 55 của Luật kế toán số 88/2015/QH13 có quy định về quyền hạn và trách nhiệm của kế toán trưởng thì việc bà Xuyên không được ủy quyền xác nhận công nợ của Công ty nhưng bà Xuyên có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán. Điều đó có nghĩa là bà Xuyên với vai trò là kế toán trưởng, bà phải chịu trách nhiệm chính về mọi báo cáo hoạt động tài chính của Công ty nên bà phải biết rõ, chính xác nhất tình hình tài chính của Công ty. Vì

vậy, việc bà Xuyên xác nhận Công ty còn nợ chưa thanh toán cho Công ty A số tiền 11.231.544.883đ là tình hình tài chính thực tế của Công ty.

- Đối với vi phạm thi công tại Hợp đồng số 03: Công ty V trình bày rằng Hợp đồng số 03 có thỏa thuận Công ty A chịu trách nhiệm thi công hệ thống xử lý nước thải nhưng ngày 25/8/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An có Công văn số 5311/STNMT-QLCL kết luận rằng Công ty chưa hoàn thành thực hiện hồ sơ hoàn công cho các công trình hệ thống xử lý nước thải, chưa đủ điều kiện vận hành. Như vậy Công ty Ađã vi phạm Điều 6.2 của Hợp đồng số 03 *"A có trách nhiệm:*

- Hoàn thành công trình đạt chất lượng cao theo Tiêu chuẩn Việt Nam và đúng tiến độ quy định.

- Khi tiến hành nghiệm thu kỹ thuật, nếu có bộ phận cấu kiện nào không đạt chuẩn mực chất lượng thì Aphải sửa chữa hay thay thế tùy theo mức độ không phù hợp. Nếu như không đạt thì Aphải tiến hành sửa chữa và thông báo nghiệm thu lại đến khi hoàn thành xong các lỗi đã nghiệm thu".

Đồng thời tại Biên bản nghiệm thu ngày 15/7/2019, Công ty V đã ký xác nhận đánh giá chất lượng công trình thi công theo đúng thiết kế, đạt yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn vận hành và nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng mà không có ghi nhận bất cứ một ý kiến, yêu cầu sửa chữa nào. Như vậy, sau khi ký xác nhận nghiệm thu công trình để đưa vào hoạt động thì Công ty Aphải hoàn toàn chịu trách nhiệm với kết quả nghiệm thu mà Công ty đã ký xác nhận. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty V phải thanh toán số tiền gốc là 6.866.689.393đ cho Công ty A là có căn cứ.

- Đối với số tiền lãi chậm thanh toán là 5.058.728.994đ: Trên cơ sở thư xác nhận nợ ngày 04/01/2021, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty V phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại là có cơ sở. Tòa án tiến hành thu thập về lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất 03 Ngân hàng tại địa phương để tính lãi do chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại. Căn cứ kết quả xác minh của 03 Ngân hàng Công Thương, Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng Ngoại thương, Tòa án xem xét theo quy định.

- Đối với tiền bảo hành công trình: Công ty V trình bày rằng do Công ty Akhông cung cấp hồ sơ đề nghị thanh toán đối với khoản thanh toán tiền bảo hành của các hợp đồng nên không thể thanh toán. Như vậy, Công ty V cũng thừa nhận đến nay vẫn chưa thanh toán đối với số tiền 5% bảo hành công trình trong khi thời hạn bảo hành đã hết. Về việc không lập hồ sơ đề nghị thanh toán là lỗi phía Công ty Anhưng Công ty Acũng không có yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền phí bảo hành mà chỉ yêu cầu thanh toán đối với số tiền 5% bảo hành nên TAND cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty A đối với số tiền 5% chi phí bảo hành là phù hợp. Riêng vấn đề tranh chấp chất lượng công trình và chi phí khắc phục hư hỏng thì Công ty V đã rút yêu cầu phản tố, sẽ củng cố

tài liệu, chứng cứ và khởi kiện bằng vụ án khác nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Xét yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường phạt vi phạm tiến độ thực hiện hạng mục công trình theo Hợp đồng số 18 thì trong quá trình thực hiện thì Công ty V không bàn giao mặt bằng đã san lấp để cho Công ty A thực hiện đóng cọc và các công việc khác dẫn đến thi công không kịp tiến độ thỏa thuận, đây là lỗi của Công ty V. Ngày 01/3/2019, hai bên ký lại Phụ lục hợp đồng số 02 của Hợp đồng số 28 với nội dung để cho Công ty Athực hiện công việc san lấp (thể hiện tại danh mục những công việc phát sinh khác kèm theo phụ lục 02/HĐ 28) thời hạn hoàn thành công trình là ngày 30/7/2019 nhưng ngày 27/5/2019 hai bên đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành nên không có cơ sở xác định Công ty Ađã vi phạm tiến độ như Công ty V trình bày.

- Xét yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường phạt vi phạm tiến độ thực hiện hạng mục công trình theo Hợp đồng số 28: Đối với hạng mục công trình Xưởng lắp ráp và hoàn thiện nhà B07; hạng mục công trình Nhà điện B12, Nhà kho công cụ B13 và Nhà kho nguyên liệu nguy hiểm B20; hạng mục công trình Nhà văn phòng QA/QC (B02), Trung tâm huấn luyện và quản lý nguồn nhân lực (B04); hạng mục công trình Nhà bơm và bể nước ngầm (B21), bể xử lý nước thải (B22), phòng ký túc xá (B05), nhà bảo vệ chính (B10), nhà xe hơi (B15); hạng mục công trình công tác hạ tầng ngoài nhà các bên có thỏa thuận tiến độ hoàn thành theo hợp đồng nhưng tại nội dung Phụ lục 02 của hợp đồng các bên thỏa thuận thực hiện bổ sung thêm một số hạng mục phát sinh của các hạng mục và thỏa thuận lại tiến độ hoàn thành là ngày 30/7/2019. Ngày 15/7/2019, các bên đã ký biên bản nghiệm thu công trình, đưa vào sử dụng là trước thời hạn thỏa thuận tại Phụ lục 02. Vì vậy, Công ty V cho rằng Công ty A vi phạm tiến độ và yêu cầu phải chịu số tiền phạt vi phạm tiến độ 4.504.221.632đ là không có cơ sở chấp nhận.

- Công ty V rút một phần yêu cầu phản tố đối với Công ty Aphần tiền bồi thường chi phí khắc phục các hạng mục hư hỏng là 853.990.401đ và phí tư vấn, kiểm định công trình xây dựng 269.500.000đ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Công ty V đối với số tiền khắc phục các hạng mục hư hỏng và phí kiểm định chất lượng công trình, tổng số tiền là 853.990.401đ là chưa chính xác cần tuyên đình chỉ thêm số tiền 269.500.000đ tiền phí kiểm định chất lượng. Do có có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về phần này.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm đình chỉ đối với số tiền khắc phục các hạng mục hư hỏng và phí kiểm định chất lượng công trình với tổng số tiền 1.123.490.401đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, người vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2] Đối với kháng cáo của Công ty V về thủ tục tố tụng: Công ty V cho rằng cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và luật áp dụng không đúng quy định, đưa thiếu người tham gia tố tụng là ông James Wang với tư các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do ông Wang là người nước ngoài nên thẩm quyền phải thuộc Tòa án cấp tỉnh. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đơn khởi kiện của Công ty A và đơn phản tố của Công ty V thì Công ty A và Công ty V chỉ tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo các hợp đồng đã ký kết, không ai tranh chấp về giá trị pháp lý của hợp đồng, ông James Wang là người ký Hợp đồng và Phụ lục số 01 của Hợp đồng thi công số 29/HDAB/2018/PDA ngày 27/12/2018, Hợp đồng thi công số 03/HDAB/2019/PDA ngày 19/01/2019 và các biên bản nghiệm thu với tư cách đại diện cho Công ty V nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng, không đưa ông James Wang vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 30, 35 và 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do Hợp đồng ký kết từ năm 2018 và sau đó phát sinh tranh chấp nên Tòa sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại 2005 và Luật Xây dựng năm 2014 để giải quyết là phù hợp. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của Công ty V về phần này.

[3] Đối với kháng cáo của Công ty V cho rằng Công ty V chưa nhận được các chứng từ hợp lệ theo hợp đồng do Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng không có giá trị pháp lý vì không phải chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty V ký nên chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán và không phát sinh tiền lãi do chậm thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Đối với các biên bản nghiệm thu đóng dấu tên ông Hsu, Shu – M thì theo hợp đồng các bên có thỏa thuận thanh toán theo từng hạng mục công trình sau khi hoàn thành và hồ sơ gồm có Giấy đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc, Hóa đơn thuế giá trị gia tăng tương ứng với số tiền thanh toán. Như vậy, hồ sơ thanh toán cần phải có Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và trong các đợt Công ty V đã thanh toán cho Công ty Acũng có các biên bản nghiệm thu có đóng dấu tên của ông Hsu, Shu – M nhưng Công ty V không có ý kiến phản đối về chữ ký của ông Hsu, Shu – M trong các biên bản nghiệm thu này và vẫn đồng ý thanh toán, chỉ riêng đợt thứ 5 của Hợp đồng số 03/HDAB/2019PDA ngày 19/01/2019 thi công gói thầu số 4 và số tiền còn lại

tại Phụ lục số 02 Hợp đồng số 28/HDAB/2018/PDA ngày 01/3/2019 là chưa thanh toán.

[6] Đối với Thư xác nhận công nợ ngày 04/01/2021 của Công ty A, Công ty V cho rằng việc bà Hồng Thị Thanh X không phải là Kế toán trưởng công ty và tự ý lấy dấu của Công ty V và dấu tên của ông Hsu, Shu – M đóng xác nhận là không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng theo Điều 55 của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội quy định về quyền hạn và trách nhiệm của kế toán trưởng thì: *"1. Kế toán trưởng có trách nhiệm sau đây: a) Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán; b) Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật này; c) Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán. 2. Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán"*. Như vậy, bà Xuyên với vai trò là kế toán trưởng, bà phải chịu trách nhiệm chính về mọi báo cáo hoạt động tài chính của Công ty nên bà phải biết rõ, chính xác nhất tình hình tài chính của Công ty nên việc bà xác nhận Công ty còn nợ chưa thanh toán cho Công ty Asố tiền 11.231.544.883đ là tình hình tài chính thực tế của Công ty. Đến ngày 27/4/2021, sau khi Công ty Anộp đơn khởi kiện thì Công ty V thanh toán số tiền 4.364.855.490đ, còn lại chưa thanh toán là 6.866.689.393đ nên án sơ thẩm xác định Công ty V còn nợ Công ty A số tiền 6.866.689.393đ và buộc Công ty V thanh toán cho Công ty A là có căn cứ.

[7] Về yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của Công ty A: Công ty V cho rằng tại Thư xác nhận công nợ ngày 04/01/2021 của Công ty Achỉ yêu cầu thanh toán nợ gốc không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán nên Công ty A không có quyền khởi kiện là không có cơ sở vì đây là quyền yêu cầu của Công ty Akhi quyền lợi ích bị xâm phạm, hơn nữa trong các hợp đồng hai bên có thỏa thuận trường hợp Công ty V thanh toán trễ hạn phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định nên Công ty A khởi kiện yêu cầu tính lãi chậm thanh toán là có cơ sở. Công ty V cho rằng Công ty A yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 13,5%/năm chỉ là lời trình bày không có cơ sở pháp lý nên cấp sơ thẩm chấp nhận là không có cơ sở. Xét thấy, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành thu thập mức lãi suất của ba ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 23/11/2022 như sau: Theo Văn bản số 265/LAN-KT.CCTT ngày 28/6/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An cung cấp lãi suất cho vay ngắn hạn là 09%/năm, theo Văn bản số 1970/NHNo.LA-KTNB ngày 30/6/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Long An cung cấp mức lãi suất cho vay ngắn hạn là 12%/năm, theo Văn bản số 426/TB-CNLA-TH ngày 28/6/2023 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Long An cung cấp lãi suất cho vay ngắn hạn là 11,5%/năm như vậy lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là (09% + 12% + 11,5%)/ 3 = 10,83%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 10,83 x 150% = 16,25%/năm. Do Công ty Ayêu cầu tính lãi chậm thanh toán với lãi suất 13,5%/năm là thấp hơn mức lãi

suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng là 16,25% là có lợi cho Công ty V nên không chấp nhận kháng cáo của Công ty V về phần này.

[8] Đối với kháng cáo về chi phí bảo hành và yêu cầu tiếp tục thực hiện bảo hành: Công ty V cho rằng Công ty A thi công không đảm bảo chất lượng hệ thống xử lý nước thải, Công ty Acũng chưa lập hồ sơ hoàn thành bảo hành nên không có căn cứ xác định việc bảo hành công trình đã hoàn thành và buộc Công ty V thanh toán tiền bảo hành. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng số 28/HDAB/2018/PDA ngày 15/12/2018, Điều 1 của Phụ lục số 01 và khoản 2 Điều 3 Phụ lục số 02 ngày 01/3/2019, khoản 2 Điều 3 Phụ lục số 02 ngày 15/3/2019, Điều 1 Phụ lục số 01 Hợp đồng 29/HDAB/2018/PDA ngày 27/12/2018, Điều 5 của Hợp đồng số 03/HDAB/2019/PDA ngày 19/01/2019 đều ghi nhận thời hạn bảo hành là 01 năm tính từ ngày Công ty Avà Công ty V ký biên bản nghiệm thu bàn giao toàn bộ công trình. Ngày 15/7/2019, Công ty V và Công ty A đã ký nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Do đó thời gian bảo hành tính bắt đầu từ ngày 16/7/2019 đến ngày 15/7/2020 là đã hết thời gian bản hành. Việc Công ty A không mở chứng thư bảo lãnh tương đương 5% giá trị bảo hành là lỗi của Công ty Anhưng không phải là điều kiện để Công ty V không thanh toán vì việc lập chứng thư là để bảo đảm cho nghĩa vụ bảo hành của Công ty A, trường hợp hết thời hạn bảo hành thì chứng thư bảo lãnh cũng hết giá trị. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An có Công văn số 5311/STNMT-QLCL ngày 25/8/2020 kết luận Công ty V chưa hoàn thành thực hiện hồ sơ hoàn công cho các công trình hệ thống xử lý nước thải, chưa đủ điều kiện vận hành, đây là kết luận sau khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng hơn 1 năm và hết thời hạn bảo hành. Do đó Công ty V phải chịu trách nhiệm đối với kết quả nghiệm thu của mình và phải thanh toán số tiền 5% phí bảo hành cho Công ty A. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của Công ty V về phần này. Tuy nhiên Công ty Aphải xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty V đối với số tiền bảo hành 5.816.485.755đ.

[9] Đối với kháng cáo của Công ty V về yêu cầu phạt vi phạm chậm tiến độ đối với Công ty A với số tiền 5.069.941.632đ mà Tòa sơ thẩm đã không chấp nhận, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận tại Điều 3 Hợp đồng số 18/HDAB/2018/PDA ngày 31/8/2018 ghi nhận ngày khởi công là ngày 01/9/2018 sau khi ký hợp đồng 01 ngày và thời điểm hoàn thành là ngày 31/10/2018, tuy nhiên hai bên còn thỏa thuận *"Tiến độ đóng cọc sẽ phụ thuộc vào tiến độ san lấp do bên khác thực hiện. Do đó, bên A (Công ty V) điều phối tiến độ san lấp để bên B (Công ty A) thực hiện đúng tiến độ đã nêu"*. Điều này cho thấy tại thời điểm ký Hợp đồng số 18HDAB/2018/PDA ngày 31/8/2018 thì Công ty V chưa hoàn thành việc san lấp mặt bằng nên Công ty Akhông thể khởi công vào ngày 01/9/2018. Đến ngày 01/3/2019, hai bên ký Phụ lục số 2 của Hợp đồng thi công số 28/HDAB/2018/PDA ngày 15/12/2018, nội dung thỏa thuận liên quan đến các công việc phát sinh trong đó có công việc san lấp giai đoạn 2, như vậy có căn cứ xác định Công ty V vẫn chưa hoàn thành việc san lấp mặt

bằng để bàn giao cho Công ty Athi công theo Hợp đồng số 18/HDAB/2018/PDA. Công ty V cũng không cung cấp được Biên bản bàn giao mặt bằng cho Công ty Ađể thực hiện Hợp đồng số 18. Tại Điều 4 Phụ lục số 02 của Hợp đồng số 28/HDAB/2018/PDA ghi nhận tiến độ thực hiện bắt đầu ngày 05/3/2019 kết thúc ngày 30/7/2019 và mục 2 Điều 5 của Phụ lục này có nội dung "*Tất cả các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng ban đầu không được chỉnh sửa cụ thể trong Phụ lục số 2 sẽ được giữ nguyên và có hiệu lực*", như vậy có cơ sở xác định các bên đã thỏa thuận thời hạn hoàn thành công trình theo Hợp đồng số 28/HDAB/2018/PDA hạn cuối là ngày 30/7/2019. Ngày 15/7/2019 các bên đã ký biên bản nghiệm thu công trình, đưa vào sử dụng là trước thời hạn thỏa thuận tại Phụ lục số 02 do đó Công ty V cho rằng Công ty A vi phạm tiến độ và yêu cầu phải chịu số tiền phạt vi phạm tiến độ 5.069.941.632đ là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của Công ty V về phần này.

[10] Đối với kháng cáo về yêu cầu buộc Công ty A phải trả số tiền phạt do vi phạm tiến độ với số tiền 1.796.612.411đ (phần cấp sơ thẩm chấp nhận), chi phí tố tụng, phần Tòa sơ thẩm đình chỉ giải quyết về khắc phục kinh phí hạng mục hư hỏng xây dựng và phí kiểm định chất lượng công trình: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty V rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu kháng cáo này. Tuy nhiên do tại cấp sơ thẩm Công ty V rút một phần yêu cầu phản tố đối với phần tiền bồi thường chi phí khắc phục các hạng mục hư hỏng là 853.990.401đ và phí tư vấn, kiểm định công trình xây dựng là 269.500.000đ nhưng cấp sơ thẩm chỉ tuyên đình chỉ đối với chi phí khắc phục các hạng mục hư hỏng và phí kiểm định công trình xây dựng với số tiền 853.990.401đ là thiếu sót nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần này, đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty V đối với yêu cầu buộc Công ty A chịu chi phí khắc phục các hạng mục hư hỏng và phí kiểm định công trình xây dựng với số tiền 1.123.490.401đ.

[11] Từ những nhận định trên, xét thấy Công ty V kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới để xem xét nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty V, tuy nhiên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về phần đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty V đối với yêu cầu buộc Công ty Achịu chi phí khắc phục các hạng mục hư hỏng và phí kiểm định công trình xây dựng với số tiền 1.123.490.401đ như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[12] Về án phí phúc thẩm: Công ty V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH V

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của Công ty V về yêu cầu buộc Công ty cổ phần Xây lắp A phải trả số tiền phạt do vi phạm tiến độ với số tiền 1.796.612.411đ và kháng cáo về chi phí tố tụng.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã K.

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 68, 147, 148, 157, 158, 161, 162, 217, 218, 244 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; các Điều 26 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Xây lắp A về tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng đối với Công ty TNHH V

Buộc Công ty V phải trả cho Công ty cổ phần Xây lắp A số tiền gốc và lãi, phí bảo hành tổng cộng 17.741.904.142đ (mười bảy tỷ, bảy trăm bốn mươi mốt triệu, chín trăm lẻ bốn nghìn, một trăm bốn mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 6.866.689.393đ (sáu tỷ, tám trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm chín mươi ba đồng), tiền bảo hành là 5.816.485.755đ (năm tỷ, tám trăm mười sáu triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng) và tiền lãi là 5.058.728.994đ (năm tỷ, không trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi bốn đồng). Công ty cổ phần Xây lắp A có nghĩa vụ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Vđối với số tiền bảo hành 5.816.485.755đ (năm tỷ, tám trăm mười sáu triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty V đối với Công ty cổ phần Xây lắp A: Buộc Công ty cổ phần Xây lắp A phải trả cho Công ty Vsố tiền phạt hợp đồng do vi phạm tiến độ thực hiện là 1.796.612.411đ (một tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm mười hai nghìn, bốn trăm mười một đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty V đối với Công ty cổ phần Xây lắp A về yêu cầu buộc Công ty cổ phần Xây lắp A trả cho Công ty Vsố tiền phạt hợp đồng do vi phạm tiến độ thực hiện là 5.069.941.632đ (năm tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng).

4. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu phản tố Công ty V về việc yêu cầu Công ty cổ phần Xây lắp A phải trả khắc số tiền kiểm định chất lượng công

trình 853.990.401đ (tám trăm năm mươi ba triệu, trăm chín mươi nghìn, bốn trăm lẻ một đồng) và phí tư vấn, kiểm định công trình xây dựng 269.500.000đ (hai trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

Công ty V còn quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này.

5. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/11/2022) cho đến khi thi hành án, bên phải thi hành án xong còn phải chịu lãi của số tiền gốc đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn của ít nhất 03 Ngân hàng tại địa phương là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và giám định:

Buộc Công ty cổ phần Xây lắp A phải trả cho Công ty V số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ.

Buộc Công ty Vphải chịu chi phí tố tụng (02 lần chi phí giám định), tổng số tiền là 18.000.000 đồng (mười tăm triệu đồng), Công ty Vđã thanh toán xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

7. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc Công ty cổ phần Xây lắp A phải chịu 65.898.372đ (sáu mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch. Khấu trừ 28.200.000đ (hai mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000602 ngày 06/01/2022 và 63.195.000đ (sáu mươi ba triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009592 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, hoàn trả cho Công ty cổ phần Xây lắp A số tiền 25.496.628đ (hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi tám đồng).

- Buộc Công ty Vphải chịu 125.741.904đ (một trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm lẻ bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và 113.069.942đ (một trăm mười ba triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận, tổng cộng là 238.811.846đ (hai trăm ba mươi tám triệu, tám trăm mười một nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng). Khấu trừ 6.987.500đ (sáu triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm

đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000565 ngày 07/12/2021, 3.000.000đ (ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000569 ngày 16/12/2021 và 64.665.000đ (sáu mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009690 ngày 10/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, Công ty V còn phải nộp tiếp 164.159.346đ (một trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng).

8. Về án phí phúc thẩm: Buộc Công ty V phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại. Khấu trừ 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000847 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, Công ty Vđã nộp xong.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán	Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
Huỳnh Thị Phượng – Đinh Thị Ngọc Yến	**Trần Tấn Quốc**